

Số: 2200/QĐ-TCGDNN

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 29/2017/QĐ-TTg ngày 03/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kỹ năng nghề,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia cho 57 người đã tham dự các lớp đào tạo về nghiệp vụ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong năm 2018, đủ điều kiện ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc 1, bậc 2 và bậc 3 của 3 nghề (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kỹ năng nghề, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KNN.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Minh

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN
KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2200/QĐ-TCGDNN ngày 13 tháng 12 năm 2018
của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

1. Nghề Sửa chữa máy thi công xây dựng.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
1	Lê Anh Tuấn	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương I	111285568	1,2,3
2	Phạm Văn Siu	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương I	017459422	1,2,3
3	Phùng Quang Hải	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương I	001083009781	1,2,3
4	Nguyễn Xuân Lợi	Cao đẳng Việt Xô số 1	131643611	1,2,3
5	Nguyễn Trung Kiên	Cao đẳng Việt Xô số 1	026085005234	1,2,3
6	Nguyễn Duy Thực	Cao đẳng Việt Xô số 1	026080001871	1,2,3
7	Nguyễn Văn thế	Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình	034083008346	1,2,3
8	Nguyễn Ngọc Giang	Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình	164527189	1,2,3
9	Phan Văn Uyên	Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình	164511575	1,2,3
10	Ninh Văn Hoàn	Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình	037075001692	1,2,3
11	Bùi Văn Sơn	Cao đẳng đường sắt	001079013113	1,2,3
12	Lưu Văn Tuấn	Cao đẳng đường sắt	121368457	1,2,3
13	Vũ Phi Long	Công ty TNHH Xây dựng và Vận tải Hải Thanh 297	1076020986	1,2,3
14	Phạm Như Nam	Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	013453641	1,2,3
15	Đào Mạnh Quyền	Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải	026085000634	1,2,3
16	Trương Đình Điệp	Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình	030083005743	1,2,3

15.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
17	Nguyễn Xuân Huy	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Bê tông nhựa DMD	012906797	1,2,3

2. Nghề Vận hành cần trục.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
18	Trần Văn Tuấn	Cao đẳng Cơ giới Xây dựng	031080005474	1,2
19	Đỗ Tuấn Nghĩa	Trung cấp nghề Cơ khí Xây dựng	013320667	1,2
20	Đỗ Viết Hanh	Trung cấp nghề Cơ khí Xây dựng	171753189	1,2
21	Nguyễn Văn Cảnh	Cao đẳng Cơ giới Xây dựng	030067002151	1,2,3
22	Bùi Văn Tĩnh	Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình	164138363	1,2,3
23	Hoàng Văn Thắng	Cao đẳng Cơ giới Ninh Bình	164021908	1,2,3
24	Chu Đặng Quý	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương I	001083029866	1,2,3
25	Hoàng Văn Vũ	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương I	017467778	1,2,3
26	Nguyễn Kim Lưu	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương I	112258938	1,2,3
27	Nguyễn Xuân Dũng	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương I	026069001402	1,2,3
28	Vũ Duy Hưng	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương I	001080016377	1,2,3
29	Nguyễn Văn Định	Cao đẳng đường sắt	121425021	1,2,3
30	Dương Văn Minh	Cao đẳng Việt Xô số 1	135552397	1,2,3
31	Nguyễn Huy Ngát	Cao đẳng Việt Xô số 1	026077002835	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
32	Nguyễn Văn Oanh	Cao đẳng Việt Xô số 1	135081637	1,2,3
33	Đậu Đức Dũng	Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô	164057261	1,2,3
34	Nguyễn Văn Đản	Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô	037080002759	1,2,3
35	Đặng Ngọc Dũng	Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô	164219600	1,2,3
36	Phạm Quốc Toàn	Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô	161870599	1,2,3

3. Vận hành sửa chữa thiết bị lạnh.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
37	Nguyễn Văn Lộc	Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	001076014103	1,2,3
38	Phan Văn Thọ	Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	036090003735	1,2,3
39	Nguyễn Bá Lãng	Đại học Công nghiệp Hà Nội	27080000012	1,2,3
40	Nguyễn Duy Thảo	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	011958312	1,2,3
41	Đỗ Văn Cường	Công ty TNHH Phát Triển Thương Mại và Dịch Vụ Phú Cường	019083000227	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
42	Chu Đức Khoan	Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ	013230698	1,2,3
43	Hà Ngọc Trung	Cao đẳng Kinh tế Công nghiệp Hà Nội	26087001866	1,2,3
44	Vũ Trọng Trường	Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ	151361145	1,2,3
45	Phạm Minh Vỹ	Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ	145562865	1,2,3
46	Nguyễn Tùng Lâm	Cao đẳng Cơ Điện Hà Nội	030089001921	1,2,3
47	Nguyễn Ngọc Hoàng	Cao đẳng Cơ Điện Hà Nội	186984651	1,2,3
48	Vương Toàn Tân	Cao đẳng Cơ Điện Hà Nội	012159486	1,2,3
49	Huỳnh Thảo	Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	11454837	1,2,3
50	Dương Thị Bắc	Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	112207135	1,2,3
51	Trần Quốc Sơn	Cao đẳng Cơ điện và Công nghệ Thực phẩm Hà Nội	042085000500	1,2,3
52	Trần Văn Trình	Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh	162511846	1,2,3
53	Đỗ Văn Dương	Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh	162328170	1,2,3
54	Vũ Tuấn Sinh	Cao đẳng Cơ điện và Xây dựng Bắc Ninh	30088001852	1,2,3
55	Phạm Tiến Dũng	Cao đẳng Cơ điện Xây dựng Việt Xô	164204717	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
56	Trương Việt Hà	Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Gia ABS	1082001422	1,2,3
57	Lê Hồng Ngọc	Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Hoàng Gia ABS	1080001259	1,2,3

ph.



